

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH CỦA CÔNG NGHIỆP TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

GS.TS. NGUYỄN ĐÌNH PHAN

Đại học Kinh tế Quốc dân

Cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp là vấn đề của chiến lược phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển công nghiệp nói riêng. Nó phản ánh trình độ, tính chất và hiệu quả của sự phát triển, cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu theo ngành quyết định các vấn đề: mục tiêu phát triển, cơ cấu đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, cơ chế và chính sách. Cơ cấu ngành của công nghiệp sẽ giữ vai trò định hướng và chủ đạo đối với các cơ cấu khác của công nghiệp như: cơ cấu công nghiệp theo vùng lãnh thổ, cơ cấu công nghiệp theo thành phần, cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ. Do đó bước sang thời kỳ đổi mới khách quan đòi hỏi phải chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp, điều đó xuất phát từ các lý do sau đây:

Một là: Công nghiệp hoá- hiện đại hoá gắn liền với nền kinh tế tri thức, tiến bộ khoa học- công nghệ, đặc biệt là tiến bộ của công nghệ thông tin, quá trình hội nhập và toàn cầu hoá, đòi hỏi, phải chuyển nhanh theo hướng hiện đại và có hiệu quả.

Hai là: cơ cấu trước thời kỳ đổi mới có các nhược điểm cơ bản là: khép kín, lạc hậu, không gắn với thị trường, không khai thác và sử dụng mọi nguồn lực trong dân. Do đó đòi hỏi phải chuyển dịch để khắc phục các nhược điểm đó.

I. Thành tựu và nhược điểm của chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp thời kỳ đổi mới.

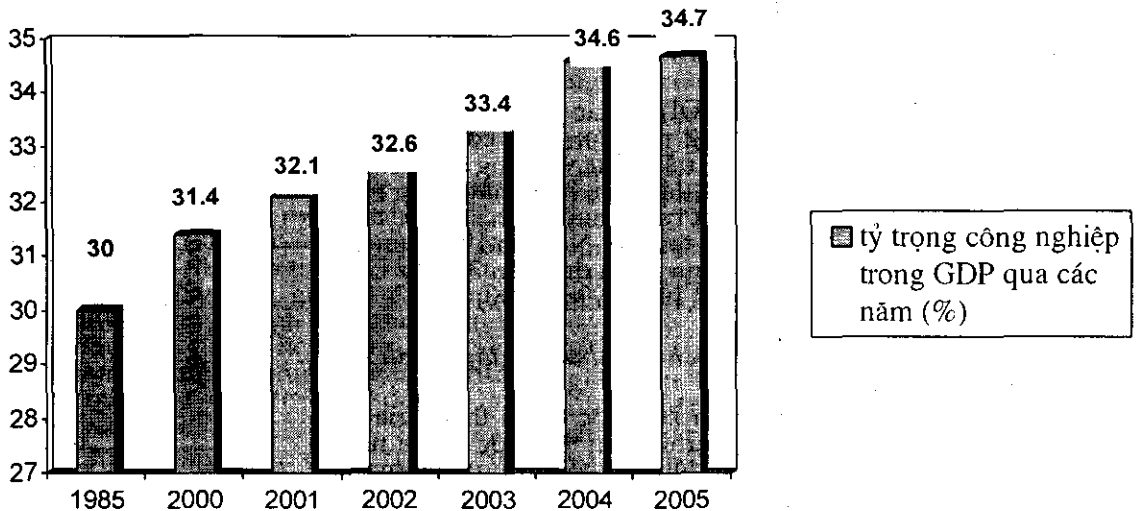
1. Ưu điểm và thành tựu.

1.1. Cơ cấu ngành của công nghiệp được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá và từng bước hiện đại hoá. Nhờ công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế nên tỷ trọng của công nghiệp trong GDP liên tục tăng qua các năm

Công nghiệp là ngành có mức đóng góp cao nhất vào tăng trưởng GDP của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Năm 2005 tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế là 8,43% công nghiệp đóng góp tới 51,07%.

Sự gia tăng của công nghiệp trong GDP đã góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa cơ cấu kinh tế nước ta từ nông nghiệp- công nghiệp- dịch vụ trở thành

Tỷ trọng công nghiệp trong GDP qua các năm (%)



công nghiệp- dịch vụ- nông nghiệp

1.2. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo hướng phát triển đa ngành, gắn liền với thị trường và trên cơ sở tăng trưởng với tốc độ khá cao liên tục trong nhiều năm.

Công nghiệp được chuyển dịch không chỉ bằng điều chỉnh tốc độ tăng trưởng các ngành, mà quan trọng hơn là phát triển đa ngành gắn với thị trường. Cùng với việc duy trì phát triển các ngành truyền thống hiện có gắn liền với lợi thế về tài nguyên và lao động (khai thác dầu khí, than, điện, xi măng, may mặc, giấy da...) hình thành và phát triển thêm nhiều ngành mới, có kỹ thuật hiện đại (sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô và xe máy, sản xuất linh kiện và lắp ráp điện tử, máy tính...)

Trong suốt thời kỳ đổi mới các ngành công nghiệp liên tục tăng trưởng khá. Năm 1986- 1990 tốc độ tăng trưởng công nghiệp: 6,07%/năm từ 1991 đến năm 2005, trừ năm 1998 và 1999 tốc độ tăng trưởng có bị giảm sút do ảnh hưởng của khủng hoảng khu vực, còn lại các năm công nghiệp luôn đạt tốc độ tăng trưởng 2 chữ số: 1991- 1995:13,69%/năm; 1996- 2000: 13%/năm; 2001- 2005: 15,8%/năm

Một số ngành công nghiệp quan trọng có sự tăng trưởng khá cao, như: Khai thác than tăng 26,1% năng sản lượng than xuất khẩu đạt 5,524 triệu tấn, giá trị xuất khẩu đạt 163, 726 triệu USD năm 2003 lên 14,74 triệu tấn và giá trị xuất khẩu đạt 595 triệu USD năm 2005; sản xuất và phân phối điện, ga tăng 14,4% năng sản lượng điện phát ra từ 26.682 triệu KWh (năm 2000) lên 53.320 triệu KWh (năm 2005); sản lượng, dầu thô đạt 18,519 triệu tấn so với 16,291 triệu tấn năm 2000; sản xuất kim loại tăng 21%, đưa sản lượng từ 1,583 triệu tấn (2000) lên 3,655 triệu tấn (2005); sản xuất máy móc thiết bị tăng 19,5% năng tỷ trọng ngành này trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp từ 1,2% (2000) lên 1,6% (2005); công nghiệp sản xuất thực phẩm và đồ uống tăng 16,9%; sản xuất sản phẩm dệt tăng 18,2%; sản xuất trang phục tăng 21,3%; sản xuất gỗ và lâm sản tăng 18,5%.

1.3. Công nghiệp chế biến- tiêu chuẩn chủ yếu đánh giá sự phát triển của công nghiệp và trình độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đã tăng lên về tỷ trọng và tốc độ, trong khi đó công nghiệp khai thác giảm về tỷ trọng. Năm 1996: Công nghiệp khai thác: 13,8%, công nghiệp chế biến: 79,9%, năm 2005 các tỷ lệ tương ứng là: 9,1% và 84,9%.

Một số mặt hàng công nghiệp xuất khẩu có tốc độ tăng cao hơn tốc độ xuất khẩu chung (17,5%), than đá tăng: 85,2%; điện tử máy tính tăng 34,1%; dây điện và cáp điện, tăng 33,7%; sản phẩm gỗ tăng 33,2%; dầu thô tăng 30,2% sản phẩm nhựa tăng 34,1%.

Năm 2005 có 6 mặt hàng công nghiệp xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD, đó là: dầu thô 7.378 triệu USD; dệt may 4.806 triệu USD; giấy dệp 3.005 triệu USD; thủy sản 2.741 triệu USD; điện tử, máy tính 1.442 triệu USD.

Cơ cấu hàng công nghiệp xuất khẩu có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng chế biến, chế tạo nhóm hàng có hàm lượng công nghệ và chất xám, giảm dần xuất khẩu hàng thô.

+ Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã tác động mạnh mẽ tới chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp. Nhờ có FDI nhiều ngành công nghiệp mới được tạo ra, năng lực và năng suất một số ngành công nghiệp quan trọng như: dầu khí, hoá chất, công nghệ thông tin, lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử và máy tính... được nâng cao. Tổng lượng vốn FDI đã đăng ký tại Việt Nam từ 1998 đến nay đạt gần 50 tỷ USD với khối lượng thực hiện đạt trên 34,5 tỷ USD, chiếm 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (1996- 2000) và 17- 18% (2001- 2005).

1.4. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu và hội nhập quốc tế

Từ thế kỷ trước, vào những năm 70 nước ta đã tham gia hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và những năm 90 nước ta gia nhập ASEAN, APEC, ASEM. Nhưng chỉ đến khi có nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế (27/11/2001) thì công

Bảng 2: Chỉ số phát triển và cơ cấu của 3 nhóm ngành lớn của công nghiệp (8)

| Nhóm ngành công nghiệp | Chỉ số | | | | | Cơ cấu | | | | | | | |
|---|--------|-------|-------|-------|-------|--------|------|------|------|------|------|------|------|
| | 2000 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 | 2000 | 1996 | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 |
| Tổng số | 117,5 | 114,8 | 116,8 | 116,6 | 117,2 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Công nghiệp khai thác mỏ | 111,2 | 104,2 | 108,0 | 114,4 | 101,4 | 15,7 | 13,8 | 15,7 | 13,1 | 12,8 | 13,5 | 10,5 | 9,1 |
| Công nghiệp chế biến | 118,2 | 116,4 | 118,3 | 117,2 | 119,5 | 78,7 | 79,9 | 78,7 | 81,2 | 81,6 | 81,3 | 83,3 | 84,9 |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước | 123,2 | 116,1 | 113,8 | 112,5 | 114,1 | 5,6 | 6,3 | 5,6 | 5,7 | 5,6 | 5,2 | 6,2 | 6,0 |

(Nguồn: Niên giám thống kê 2005, NXB. Thống kê 2006)

Bảng 3: Tỷ trọng kim ngạch công nghiệp trong tổng kim ngạch xuất khẩu (%)

| <i>Nhóm hàng</i> | <i>1990</i> | <i>1995</i> | <i>2000</i> | <i>2001</i> | <i>2002</i> | <i>2003</i> | <i>2004</i> |
|---------------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Tổng số | | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 |
| Công nghiệp nhẹ | 26,5 | 28,5 | 33,9 | 35,7 | 40,6 | 42,7 | 41,2 |
| Công nghiệp nặng | 25,6 | 25,5 | 37,2 | 34,9 | 81,8 | 32,2 | 32,6 |
| Nông lâm ngư nghiệp | 47,9 | 46,5 | 28,9 | 29,4 | 27,6 | 25,1 | 26,2 |

ngành nước ta mới có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng: chú trọng xuất khẩu và tăng cường hội nhập, thể hiện chủ yếu ở các hoạt động sau:

+ Thực hiện đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, xuất khẩu hàng hoá trên 200 thị trường các nước và vùng lãnh thổ, ký kết 87 Hiệp định thương mại song phương.

+ Đẩy mạnh công nghiệp xuất khẩu và thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu công nghiệp.

Năm 1990, tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt 2,4 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp chỉ chiếm 52,1%, thị năm 2005, tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt 32,23 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp chiếm khoảng 78,2%. Tốc độ tăng bình quân hàng năm của kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp trong 5 năm 2001- 2005 đạt 16,8%.

Có được các ưu điểm, thành tựu đó chủ yếu là do: i) có sự cố gắng, nỗ lực vươn lên trong cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp; ii) có sự tác động tích cực của đổi mới toàn diện đồng bộ về tư duy kinh tế, về cơ chế quản lý, luật pháp và chính sách; iii) công nghiệp nước ta đã tận dụng ngày càng tốt hơn các cơ hội của quan hệ kinh tế quốc tế vào phát triển công nghiệp.

Những thành tựu quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu công nghiệp kể trên đã: (1) Góp phần quan trọng và tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta từ: Nông nghiệp- Công nghiệp- Dịch vụ sang Công nghiệp- Dịch vụ- Nông nghiệp, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá (2) Đưa nền kinh tế nước ta từng bước hội nhập với kinh tế thế giới; (3) Khai thác tốt hơn các nguồn lực, đặc biệt nguồn lực trong dân để phát triển công nghiệp; (4) Giải quyết được nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp.

2. Những yếu kém và bất cập trong cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp

2.1. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp chậm. Cơ cấu ngành của công nghiệp còn lạc hậu và còn nhiều bất cập.

Những ngành công nghiệp sau đây có sự tăng trưởng cao: i) Những ngành khai thác lợi thế về tài nguyên (khai thác dầu, than...); ii) Những ngành khai thác lợi thế lao động có giá trị gia tăng thấp: may mặc, giày dép, lắp ráp ô tô, xe máy; iii) Những ngành hao phí nhiều lao động, nguyên liệu, nhiên liệu: thép, xi măng, đường... Những chưa có những ngành, những mặt hàng của công nghiệp hiện đại có hàm lượng chất xám cao.

Công nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu từ nước ngoài: ngành giày dép 86% nguyên liệu nhập ngoại; ngành ô tô, xe máy chủ

yếu là lắp ráp; nguyên liệu gỗ trong nước chỉ đáp ứng 20% nhu cầu chế biến gỗ xuất khẩu.

2.2. Chưa có sự gắn kết, liên kết, chặt chẽ giữa các ngành để hình thành chuỗi sản xuất và lưu thông ở trong nước và quốc tế để tạo giá trị gia tăng cao. Công nghiệp thương mại, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ còn phát triển ở trình độ thấp.

Với cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trong những năm đổi mới như vậy đã dẫn tới hệ quả là:

- Trình độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn thấp. Vai trò tác dụng của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp tới phát triển các ngành kinh tế quốc dân chưa mạnh mẽ làm cho đất nước vẫn chưa ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Cơ cấu công nghiệp của nước ta hiện nay chỉ tương đương với cơ cấu công nghiệp của các nước trong khu vực vào những năm 80.

- Chất lượng và hiệu quả của phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng còn thấp.

Tỷ lệ chi phí trung gian trong tổng giá trị sản xuất nếu từ năm 1990 trở về trước còn ở mức 48%, thì từ năm 2000 đã lên tới 50% và đến nay đã vượt qua mức: 55%. Trong thời gian từ 1991- 2005, các ngành công nghiệp nếu giá trị sản xuất bình quân tăng 14,5% thì giá trị tăng thêm chỉ tăng bình quân 11%.

- Khả năng cạnh tranh của sản phẩm do Việt Nam sản xuất còn kém khi nền kinh tế mở cửa, khi các rào cản đối với hàng hoá được tháo gỡ thì các sản phẩm của Việt Nam phải cạnh tranh gay gắt hơn ở ngay thị trường Việt Nam và thị trường nước ngoài. Theo xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 1997: Việt Nam đứng thứ 49 trong 53 nước được xếp hạng, năm 2001 Việt Nam đứng 62 trong 75 nước được xếp hạng và năm 2002: Xếp thứ 60 trong tổng số 80 nước được xếp hạng.

II. Phương hướng chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp thời kỳ 2006- 2010

Thời kỳ 2006-2010 là thời kỳ "tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn" (3) trong hoàn cảnh và điều kiện: i) Nước ta hội nhập sâu hơn và cao hơn vào kinh tế thế giới, Việt Nam gia nhập WTO vào tháng 11 năm 2006; ii) Những thành tựu của 20 năm đổi mới (1996- 2006) làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh hơn nhiều so với trước; iii) Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại; iv) Đất nước tiếp tục đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển vào năm 2010, tạo nền tảng để đến năm 2020 đất nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (3)

Phương hướng chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp thời kỳ 2006- 2010 là:

- Chuyển dịch cơ cấu của công nghiệp phải thực hiện mục tiêu là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn liền với phát triển kinh tế tri thức sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020

- Chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp theo hướng nâng cao tỷ trọng và trình độ của công nghiệp chế biến trong cơ cấu kinh tế.

Ngành công nghiệp chế biến đóng vai trò quyết định đối với công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế- xã hội. Phát triển ngành này là thước đo đánh giá trình độ tiến bộ khoa học- công nghệ, trình độ và hiệu quả sử dụng các nguồn lực, các thế mạnh của đất nước để phát triển kinh tế- xã hội, là điều kiện để phát triển nền kinh tế tự chủ kết hợp với hội nhập. Thời kỳ 2006- 2010 nên phát triển công nghiệp chế biến theo hướng: chú trọng phát triển các các ngành công nghiệp chế biến cần ít vốn, công nghệ không phức tạp, tạo nhiều việc làm, chuẩn bị tiền đề để phát triển các ngành công nghiệp chế biến cần nhiều vốn, các ngành tổng hợp sử dụng nguyên liệu trong thời kỳ tiếp theo. Theo hướng đó sẽ:

+ Phát triển các ngành công nghiệp chế biến mà nguyên liệu sẵn có ở trong nước, trong đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản, phát triển chế biến theo chiều sâu tức là đi từ sơ chế (tôm đông lạnh, mù cạo su...) lên tinh chế (thủy sản ăn sẵn, cao su sản phẩm...)

+ Tiếp tục phát triển các ngành gia công xuất khẩu cho nước ngoài như: may mặc, giấy dếp, lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử... để giải quyết việc làm, tạo kim ngạch xuất khẩu. Giảm tỷ lệ gia công xuất khẩu, nâng dần tỷ lệ nội địa hoá, tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu trực tiếp.

+ Phát triển các ngành công nghiệp: chế tạo và sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết như: cơ khí, hoá chất, thép, xi măng, điện để tạo cơ sở hạ tầng kỹ thuật và làm động lực cho phát triển các ngành khác.

+ Phát triển một số ngành có hàm lượng chất xám cao như: Công nghệ phần mềm, điện tử, công nghệ sinh học.

- Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu và tăng cường hội nhập.

Trong xu thế toàn cầu hoá và khi nền kinh tế đã hội nhập, nước ta đã tham gia WTO thì muốn hay không muốn cũng phải gắn cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta với thế giới thông qua những hình thức như:

+ Ký kết các hiệp định đầu tư và thương mại song phương và đa phương

+ Đẩy mạnh xuất khẩu, chú trọng phát triển xuất khẩu sản phẩm đã qua chế biến.

+ Đẩy mạnh thu hút đầu tư vốn trực tiếp nước ngoài (FDI) và xuất khẩu vốn đầu tư ra nước ngoài, kết hợp và hỗ trợ giữa FDI với sản xuất trong nước.

+ Tham gia phân công, hợp tác quốc tế gắn

sản xuất và xuất khẩu công nghiệp vào chuỗi sản xuất và lưu thông, đặc biệt là mạng lưới của các công ty đa quốc gia thông qua việc gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định để cơ cấu của ngành công nghiệp Việt Nam chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu và tăng cường hội nhập là phải nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá công nghiệp Việt Nam.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành của, công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn. Ngành công nghiệp mũi nhọn phải là ngành đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

(1) Là ngành có ý nghĩa kinh tế quốc dân quan trọng, sự phát triển của nó tác động mạnh mẽ đến sự phát triển các ngành khác của nền kinh tế quốc dân; (2) Là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế; (3) Là ngành có tốc độ tăng trưởng vượt trội hơn so với các ngành khác; (4) Là ngành có hiệu quả kinh tế- xã hội cao thể hiện tỷ lệ lợi nhuận cao, giải quyết được nhiều việc làm; (5) Là ngành phát huy lợi thế so sánh của đất nước; (6) Là ngành đại diện cho tiến bộ khoa học- công nghệ; (7) Là ngành tạo nguồn thu đáng kể cho ngân sách; (8) Là ngành hướng về xuất khẩu và có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế

Xác định những ngành công nghiệp nào là ngành mũi nhọn ở nước ta, hiện nay ý kiến còn khác nhau. Theo chúng tôi ở nước ta trong thời kỳ 2006- 2010 các ngành công nghiệp sau đây có thể được chọn là ngành công nghiệp mũi nhọn: công nghiệp điện tử, công nghiệp dệt may, khai thác và chế biến thủy sản, khai thác và lọc dầu, công nghệ phần mềm...

- Chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp kết hợp với chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế, cơ cấu theo vùng, cơ cấu theo vốn đầu tư, cơ cấu theo lao động và cơ cấu theo công nghệ.

Trong các loại cơ cấu trên cơ cấu ngành của công nghiệp chiếm vị trí chủ đạo và định hướng. Các loại cơ cấu trên là điều kiện là cơ sở để thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành của công nghiệp■.

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960)
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986)
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X - NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2006
4. GS.TS. Ngô Đình Giao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá nền kinh tế quốc dân. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội 1994
5. Phạm Khiêm Ích- Nguyễn Đình Phan. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở Việt Nam và các nước trong khu vực NXB thống kê. Hà Nội 1994
6. Thời báo kinh tế Việt Nam: kinh tế 2005- 2006; Việt Nam và thế giới
7. Tạp chí Công nghiệp 8/ 2006
8. Niên giám thống kê 2005.